HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /2018/NQ-HĐND	*Quảng Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 3762/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Quy định một số nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

1. Mức hỗ trợ thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo:

a) Dự án do cấp tỉnh thực hiện: Tối đa 500 triệu đồng/dự án;

b) Dự án do cấp huyện thực hiện: Tối đa 400 triệu đồng/dự án;

c) Dự án do cấp xã thực hiện: Tối đa 300 triệu đồng/dự án.

2. Mức chi xây dựng và quản lý Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

3. Mức hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo:

a) Mức hỗ trợ hộ nghèo: Tối đa 20 triệu đồng/hộ;

b) Mức hỗ trợ hộ cận nghèo không vượt quá 85% mức hỗ trợ tối đa của hộ nghèo: Tối đa 17 triệu đồng/hộ;

c) Mức hỗ trợ hộ mới thoát nghèo không vượt quá 70% mức hỗ trợ tối đa của hộ nghèo: Tối đa 14 triệu đồng/hộ (hộ mới thoát nghèo được công nhận thoát nghèo không quá 36 tháng tính đến thời điểm hỗ trợ).

d) Tùy thuộc điều kiện, nội dung đăng ký tham gia dự án của từng hộ, mỗi hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được hỗ trợ từ 1 đến 3 lần trong giai đoạn 2018-2020 và có thể nhận đăng ký nhiều nội dung hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều này và khi tham gia thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo (trừ nội dung mô hình tạo việc làm công) nhưng không vượt quá số tiền tối đa quy định cho từng đối tượng nêu tại điểm a, b, c Khoản 3 Điều này.

4. Nội dung hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo:

a) Đối với dự án trồng trọt: Hỗ trợ tiền mua cây giống, phân bón và chế phẩm sinh học theo diện tích thực tế và định mức kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ mua mới máy móc, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất và sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

b) Đối với dự án chăn nuôi: Hỗ trợ cải tạo hoặc xây dựng mới chuồng trại; hỗ trợ giống, thức ăn chăn nuôi theo số lượng con giống nuôi thực tế và định

mức kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ tiền mua vắc xin và chi phí bảo quản vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh: lở mồm long móng, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả lợn, cúm gia cầm; hỗ trợ mua mới công cụ, máy móc phục vụ sản xuất.

c) Đối với dự án lâm nghiệp: Hỗ trợ trồng cây lâm nghiệp, dược liệu, lâm sản ngoài gỗ: hỗ trợ cây giống, phân bón, chế phẩm sinh học theo diện tích thực tế và định mức kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đối với dự án ngư nghiệp (khai thác thủy sản, hải sản): Hỗ trợ sửa chữa, xây dựng hầm bảo quản.

đ) Đối với dự án nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, hóa chất cải tạo ao nuôi theo số lượng con giống thả nuôi thực tế và định mức kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ mua mới ngư cụ phục vụ sản xuất.

5. Nội dung và mức chi chuyên môn thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ:

a) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: Mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 100 triệu đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã/dự án.

b) Điều kiện được hỗ trợ: Các doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập, tổ chức và hoạt động đúng theo Luật Doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã hiện hành; có hợp đồng thuê, mua, sửa chữa nhà xưởng, máy móc, công cụ; giá trị hợp đồng liên kết tiêu thụ, chế biến sản phẩm với các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo tối thiểu phải đạt từ 500 triệu đồng/năm trở lên.

6. Loại mô hình, quy mô mô hình, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình và mức hỗ trợ dự án, mức chi chuyên môn hỗ trợ thực hiện Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xác định rõ theo từng mô hình cụ thể và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định phương án hỗ trợ.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang triển khai thì tiếp tục áp dụng theo nội dung, mức hỗ trợ của dự án được duyệt, không điều chỉnh theo nội dung quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang trong giai đoạn chuẩn bị thì thực hiện điều chỉnh

theo nội dung, mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này kể từ ngày có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững do Trung ương bổ sung; nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh; nguồn huy động, đóng góp của cá nhân, tổ chức và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Hằng năm, căn cứ khả năng bố trí của ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động, đóng góp khác cho Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các địa phương xác định phương thức, nội dung hỗ trợ phù hợp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Những nội dung liên quan khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Các Bộ: TC, NN&PTNT;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp ;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, TH (Huy).

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang

Người ký: Hội đồng Nhân dân tỉnh
Email: vphdnd@quangnam.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Nam
Thời gian ký: 01.08.2018 16:22:33 +07:00